

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 tháng 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2121/TTr-STNMT ngày 09/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị gồm có 123 thủ tục hành chính, trong đó:

Phụ lục 1. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường: 102 thủ tục.

Phụ lục 2. Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp huyện: 17 thủ tục.

Phụ lục 3. Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã: 03 thủ tục.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và UBND cấp xã xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định: số 473/QĐ-UBND ngày 20/02/2020, số 1862/QĐ-UBND ngày 14/7/2020, số 926/QĐ-UBND ngày 20/4/2021, số 1176/QĐ-UBND ngày 14/5/2021, số 4548/QĐ-UBND ngày 31/12/2021, số 732/QĐ-UBND ngày 08/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NC_(Y, TĐ).

CHỦ TỊCH

Võ Văn Hưng

Phụ lục 1**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
I LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO							
1.	Công nhận khu vực biển 1.009481.000.00.00.H 50	- Trường hợp không lấy ý kiến và không tổ chức kiểm tra thực địa: 23 ngày làm việc. - Trường hợp có lấy ý kiến và có tổ chức kiểm tra thực địa: 48 ngày làm việc (trong đó thời gian lấy ý kiến 15 ngày làm việc).	Trung tâm Phục hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số năm 2015; - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 - Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021
2.	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển 1.005189.000.00.00.H 50	77 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Trực tiếp/BCCI	22.500.000 đồng/giấy phép	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 ngày 25/6/2015 - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 - Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29/5/2017 - Thông tư số 105/TT-BTC ngày 15/11/2018

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
3.	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển 2.000472.000.00.00.H 50	62 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Trực tiếp/ BCCI	17.500.000 đồng/giấy phép	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 - Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29/5/2017 - Thông tư số 105/TT-BTC ngày 15/11/2018
4.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển 1.000969.000.00.00.H 50	44 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Trực tiếp/ BCCI	12.500.000 đồng/giấy phép	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 - Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29/5/2017 - Thông tư số 105/TT-BTC ngày 15/11/2018
5.	Trả lại Giấy phép nhận chìm 1.000942.000.00.00.H 50	62 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							-Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29/5/2017 - Thông tư số 105/TT-BTC ngày 15/11/2018
6.	Cấp lại Giấy phép nhận chìm biển 2.000444.000.00.00.H 50	32 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Trực tiếp/ BCCI	7.000.000 đồng/giấy phép	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 -Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29/5/2017 - Thông tư số 105/TT-BTC ngày 15/11/2018
7.	Giao khu vực biển 1.005401.000.00.00.H 50	58 ngày làm việc (chưa tính 15 ngày lấy ý kiến và 10 ngày kiểm tra thực địa	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Trực tiếp/ BCCI	Không.	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; - Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021
8.	Gia hạn quyết định giao khu vực biển 1.004935.000.00.00.H	43 ngày làm việc (chưa tính 15 ngày lấy ý kiến và 10	Trung tâm Phục vụ Hành chính	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	50	ngày kiểm tra thực địa)	công				- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; - Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021
9.	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển 1.005400.000.00.00.H 50	43 ngày làm việc (chưa tính 15 ngày lấy ý kiến và 10 ngày kiểm tra thực địa)	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; - Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021
10.	Trả lại khu vực biển 1.005399.000.00.00.H 50	Trả lại 1 phần khu vực biển: 33 ngày làm việc (chưa tính 15 ngày lấy ý kiến và 10 ngày kiểm tra thực địa) Trả lại toàn bộ khu vực biển: 28 ngày làm việc (chưa tính 15 ngày lấy ý kiến và 10 ngày kiểm tra thực địa)	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; - Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021
11.	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu	- 05 ngày làm việc (dữ liệu đơn giản) - 20 ngày làm việc (dữ liệu phức tạp) - 35 ngày làm việc (dữ liệu phức tạp, khối lượng lớn)	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Thông tư 294/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 - Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29/5/2017

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	1.000705.000.00.00.H50				chính		- Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 - Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016
12.	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử 1.005181.000.00.00.H50	- 05 ngày làm việc (dữ liệu đơn giản) - 20 ngày làm việc (dữ liệu phức tạp) - 35 ngày làm việc (dữ liệu phức tạp, khối lượng lớn)	Trung tâm Phục vụ Hành chính công	Nhập thông tin qua mạng	Thực hiện theo Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016	Toàn trình	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 - Quyết định số 1299/QĐ-BTNMT ngày 29/5/2017 - Thông tư số 20/2016/TT-BTNMT ngày 25/8/2016 - Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016
II LĨNH VỰC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU							
13.	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn 1.000987.000.00.00.H50	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BCCI	Không	Một phần	- Luật khí tượng thủy văn 2015 - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							- Quyết định số 1183/QĐ-BTNMT ngày 27/5/2020
14.	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn 1.000970.000.00.00.H5 0	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/	Không	Một phần	- Luật khí tượng thủy văn 2015 - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 - Quyết định số 1183/QĐ-BTNMT ngày 27/5/2020
15.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn 1.000943.000.00.00.H5 0	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	BCCI	Không	Một phần	- Luật khí tượng thủy văn 2015 - Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 - Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 - Quyết định số 1183/QĐ-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							ngày 27/5/2020
III	LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THÁM						
16.	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II 1.000049.000.00.00.H 50	- Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải kết quả sát hạch và xét cấp chứng chỉ hành nghề - 03 ngày làm việc đối với trường hợp gia hạn/ cấp lại/ cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI / trực tuyến	Không	Một phần	- Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018 - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP . - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP - Quyết định số 88/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022
17.	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ cấp tỉnh. 1.001923.000.00.00.H 50	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI / trực tuyến	Theo Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Một phần	- Luật Đo đạc và bản đồ năm 2018 - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP . - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP - Quyết định số 88/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022. - Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
IV	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG						
18.	Cấp giấy phép môi trường 1.010727.000.00.H50	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Trực tiếp/Trực tuyến/BC	Mục A.X Phụ lục I Nghị quyết số	Một phần	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		<p>hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. <p>- 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp còn lại.</p>	tỉnh	CI	13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
19.	Cấp đổi giấy phép môi trường 1.010728.000.00.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Mục A.X, Phụ lục I, Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/5/2022 của	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Quyết định số 87/QĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
					Hội đồng nhân dân tỉnh		BTNMT. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
20.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường 1.010729.000.00.H50	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Mục A.X, Phụ lục I, Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Một phần	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
21.	Cấp lại giấy phép môi trường 1.010730.000.00.H50	- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp theo thời điểm sau: + Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; + Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Mục A.X, Phụ lục I, Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Một phần	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		<p>thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (<i>trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung</i>);</p> <p>- 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp:</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (<i>trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</i>).</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về</p>					

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		<p>chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn.</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ 					

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.					
22.	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 1.010733.000.00.00.H50	50 ngày làm việc: + Thời hạn thẩm định hồ sơ: 30 ngày làm việc + Thời hạn phê duyệt hồ sơ: 20 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ BCCI	Mục V, Phụ lục I, Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Một phần	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT. - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh
23.	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐCP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)	45 ngày làm việc: + Thời hạn thẩm định hồ sơ: 30 ngày làm việc + Thời hạn phê duyệt hồ sơ: 15 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ Trực tuyến/ BCCI	Mục VI, Phụ lục I, Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Một phần	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	1.010735.000.00.00.H50						
V	LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN						
24.	<p>Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch</p> <p>1.004132.000.00.00.H50</p>	38 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản năm 2010 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 - Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 - Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016
25.	<p>Chấp thuận tiến hành khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản</p> <p>1.004083.000.00.00.H50</p>	10 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản năm 2010 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 - Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
26.	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư công trình 1.004446.000.00.00.H5 0	25 ngày làm việc đối với điều chỉnh giấy phép; 79 ngày làm việc đối với cấp Giấy phép	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Biểu mức thu kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 - Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 - Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;
27.	Đóng cửa mỏ khoáng sản 1.004367.000.00.00.H5 0	64 ngày làm việc (42 ngày đối với phê duyệt đề án và 22 ngày đối với nghiệm thu đóng cửa mỏ)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không quy định	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 - Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016
28.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản 1.004434.000.00.00.H5	Không quá 70 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	+ Đối với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá từ 20 triệu đồng trở xuống mức	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 - Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/03/2012

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	0				<p>thu: 50.000 đồng/hồ sơ; + Đối với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá từ 20 đến 50 triệu đồng mức thu: 100.000 đồng/hồ sơ; + Đối với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá từ 50 đến 100 triệu đồng mức thu: 150.000 đồng/hồ sơ; + Đối với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá từ 100 đến 500 triệu đồng mức thu: 200.000 đồng/hồ sơ; + Đối với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá trên 500 triệu đồng mức thu: 500.000 đồng/hồ sơ;</p>		<p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 Thông tư 16/2014/TT-BTNMT ngày 01/06/2014 - Thông tư liên tịch 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 - Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 - Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
29.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt 1.004433.000.00.00.H5 0	Không quá 70 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> + Đối với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá từ 20 triệu đồng trở xuống mức thu: 50.000 đồng/hồ sơ; + Đối với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá từ 20 đến 50 triệu đồng mức thu: 100.000 đồng/hồ sơ; + Đối với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá từ 50 đến 100 triệu đồng mức thu: 150.000 đồng/hồ sơ; + Đối với giá khởi điểm của tài sản bán đấu giá từ 100 đến 500 triệu đồng mức thu: 200.000 đồng/hồ sơ; + Đối với giá khởi điểm của tài 	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản năm 2010 - Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/03/2012 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 Thông tư 16/2014/TT-BTNMT ngày 01/06/2014 - Thông tư liên tịch 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 - Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 - Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/05/2017

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
					sản bán đầu giá trên 500 triệu đồng mức thu: 500.000 đồng/hồ sơ;		
30.	Cấp phép khai thác tận thu khoáng sản 2.001781.000.00.00.H5 0	Không quá 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	5.000.000 đồng/1 giấy phép.	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 - Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 -Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 - Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
31.	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 1.004343.000.00.00.H5 0	Không quá 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	2.500.000đồng /1 giấy phép.	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 - Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 -Thông tư 45/2016/TT-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							ngày 26/12/2016 - Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
32.	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 2.001777.000.00.00.H50	Không quá 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016. - Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 - Nghị định số Nghị định 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015. - Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 - Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
33.	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh) 1.005408.000.00.00.H5	Không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016. - Thông tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	0						45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016
34.	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản 1.004481.000.00.00.H5 0	Không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	+ Đối với diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha, mức thu là 2.000.000đ/1 giấy phép; + Đối với diện tích thăm dò từ 100 đến 50.000ha, mức thu là 5.000.000đ/1 giấy phép + Đối với diện tích thăm dò trên 50.000ha, mức thu là 7.500.000đ/1 giấy phép.	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016. -Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 - Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
35.	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản 2.001787.000.00.00.H5 0	Không quá 133 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	-Đến 01 tỷ đồng: 10 triệu đồng; -Trên 01 tỷ đến 10 tỷ đồng: 10 triệu đồng + (0,5% x phần vượt trên 1 tỷ đồng)	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016. -Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 - Thông tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
					- Trên 10 tỷ đến 20 tỷ: 55 triệu đồng + (0,3% x phần vượt trên 10 tỷ đồng); - Trên 20 tỷ đồng: 85 triệu đồng + (0,2% x phần vượt trên 20 tỷ đồng)		191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
36.	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản 2.001783.000.00.00.H5 0	Không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Biểu mức thu kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016. -Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 - Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
37.	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)	Không quá 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	1.004135.000.00.00.H50						- Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016
38.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản 1.004345.000.00.00.H50	Không quá 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Thực hiện theo Biểu mức thu kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;	Một phần	- Luật khoáng sản năm 2010 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016. - Thông tư 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 - Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
39.	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản 1.000778.000.00.00.H50	70 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI/ trực tuyến	- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy	Một phần	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 - Thông tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
					phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.)		53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013. - Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính
40.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản 2.001814.000.00.00.H50	35 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI/	Thực hiện theo Biểu mức thu kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính;	Một phần	-Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010 -Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 -Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 - Thông tư 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013. - Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính
VI	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC						
41.	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp	Trung tâm Phục vụ hành	Trực tiếp/Trực	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên nước;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	biên 1.011516.H50	lệ	chính công tỉnh	tuyên/BC CI			- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ TN&MT.
42.	Đăng ký khai thác nước dưới đất 1.011517.H50	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyên/BC CI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ TN&MT.
43.	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước 1.000824.000.00.00.H5 0	16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyên/BC CI	Phụ lục I Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết số	Toàn trình	- Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
					13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh		hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ TN&MT - Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh
44.	Trả lại giấy phép tài nguyên nước 1.011518.H50	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ TN&MT
45.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành (cấp tỉnh) 1.009669.000.00.00.H5	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Không	Một phần	- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 41/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 706/QĐ-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	0						ngày 15/4/2021;
46.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (cấp tỉnh) 2.001770.000.00.00.H5 0	45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Không	Một phần	- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 41/2021/NĐ-CP; - Quyết định số 706/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2021;
47.	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi 2.001850.000.00.00.H5 0	Không quá 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận phương án	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Không	Một phần	- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP của Chính phủ - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ TN&MT.
48.	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh 1.001740.000.00.00.H5 0	40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh					438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ TN&MT
49.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước 1.004283.000.00.00.H5 0	15 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 - Nghị định số 41/2021/NĐ-CP - Quyết định số 706/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2021
50.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm 1.004232.000.00.00.H5 0	36 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Phụ lục I Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh	Một phần	- Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ TN&MT. - Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
51.	Gia hạn, điều chỉnh nội	31 ngày làm việc, kể từ ngày	Trung tâm	Trực	Phụ lục I Danh	Một	- Luật Tài nguyên

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm 1.004228.000.00.00.H50	nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Phục vụ hành chính công tỉnh	tiếp/Trực tuyến/BC CI	mục, mức thu các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh	phần	nước; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ TN&MT. - Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh
52.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm; 1.004223.000.00.00.H50	36 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Phụ lục I Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh	Một phần	- Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							TN&MT. - Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh
53.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm; 1.004211.000.00.00.H50	31 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Phụ lục I Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh	Một phần	- Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ TN&MT. - Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh
54.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới	36 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Phụ lục I Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết số	Một phần	- Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ; - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000m ³ / ngày đêm; 1.004179.000.00.00.H50				13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh		22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ TN&MT. - Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh
55.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập	31 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/Trực tuyến/BC CI	Phụ lục I Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị	Một phần	- Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	<p>dâng thuỷ lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 1.000.000m³/ ngày đêm 1.004167.000.00.00.H5 0</p>				<p>quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ TN&MT. - Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh
56.	<p>Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ 1.004122.000.00.00.H5 0</p>	21 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Phụ lục I Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
					quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh		ngày 20/10/2022; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ TN&MT. - Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh
57.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ 2.001738.000.00.00.H50	Không quá 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Phụ lục I Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh	Một phần	- - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ - Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ TN&MT. - Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh
58.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất 1.004253.000.00.00.H50	Không quá 11 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Phụ lục I Danh mục, mức thu các khoản phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh	Một phần	- - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ - Quyết định số 4044/QĐ-BTNMT ngày 30/12/2022 của Bộ TN&MT. - Nghị quyết số 13/2022/NĐ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh
VII LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI							
59.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu 1.005398.000.00.00.H50	- 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. <i>(Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 140.000 - Tổ chức: 250.000	Một phần	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		ngày).	tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.		* Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 30.000 - Tổ chức: 100.000		ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
60.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý 2.001938.000.00.00.H 50	- 15 ngày làm việc. <i>(Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày).</i>	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp huyện.	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 140.000 - Tổ chức: 250.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân:	Một phần	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
					30.000 - Tổ chức: 100.000		ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
61.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất 1.004238.000.00.00.H 50	- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. <i>(Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc).</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 130.000 - Tổ chức: 150.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
			đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.				03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
62.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội	- Không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - 20 ngày làm việc (Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn).	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 130.000 - Tổ chức: 150.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000	Một phần	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận 1.004227.000.00.00.H 50		tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.				ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
63.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề 1.004221.000.00.00.H 50	- 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. <i>(Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc).</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 130.000 - Tổ chức: 150.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000	Một phần	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
			ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.				ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
64.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất 1.004203.000.00.00.H 50	- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ <i>(Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc).</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 130.000 - Tổ chức: 150.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
65.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất 1.004199.000.00.00.H 50	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 140.000 + Đất và tài sản: 170.000 - Tổ chức: + Đất: 290.000 + Đất và tài sản: 370.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 30.000 - Tổ chức: 50.000	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
66.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp 1.004193.000.00.00.H 50	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 130.000 - Tổ chức: 150.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
67.	Thu hồi Giấy chứng	Không quy định thời gian	- Trung tâm	Trực tiếp/	* Phí:	Một	-Luật Đất đai năm

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện. 1.004177.000.00.00.H 50		phục vụ - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	BCCI	- Hộ gia đình, cá nhân: 90.000 - Tổ chức: 100.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000	phần	2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
68.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác	- Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi,	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: + Đất:	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	gắn liền với đất lần đầu 1.011616.000.00.00.H 50	vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. <i>(Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i>	đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.		140.000 + Đất và tài sản: 170.000 - Tổ chức: + Đất: 250.000 + Đất và tài sản: 320.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 30.000 + Đất và tài sản: 50.000 - Tổ chức: + Đất: 100.000 + Đất và tài sản: 200.000		ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
69.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	- Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 140.000 + Đất và tài sản: 170.000	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	2.000983.000.00.00.H 50 TTHC liên thông	hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. <i>(Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i>	tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu		- Tổ chức: + Đất: 250.000 + Đất và tài sản: 320.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 30.000 + Đất và tài sản: 50.000 - Tổ chức: + Đất: 100.000 + Đất và tài sản: 200.000		ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
70.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất 1.002255.000.00.00.H	- Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 140.000 - Tổ chức: 250.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân:	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
50		<i>(Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i>	UBND cấp huyện đổi với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu		50.000 - Tổ chức: 200.000		ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
71.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp 2.000976.000.00.00.H 50	- Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. <i>(Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đổi với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đổi với hộ gia đình, cá	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 200.000 - Tổ chức: 220.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		<i>gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i>	nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.				03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
72.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở 1.002273.000.00.00.H 50	- Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. <i>(Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 140.000 + Đất và tài sản: 170.000 - Tổ chức: + Đất: 250.000 + Đất và tài sản: 320.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân:	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
			tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu		+ Đất: 30.000 + Đất và tài sản: 50.000 - Tổ chức: + Đất: 100.000 + Đất và tài sản: 200.000		ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
73.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định 1.002993.000.00.00.H 50	- Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. <i>(Chưa kể 05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 140.000 + Đất và tài sản: 170.000 - Tổ chức: + Đất: 250.000 + Đất và tài sản: 320.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 30.000 + Đất và tài sản:	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
			ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.		50.000 - Tổ chức: + Đất: 100.000 + Đất và tài sản: 200.000		ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
74.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; <i>tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận 2.000889.000.00.00.H</i>	- Trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất là không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất là không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng là không quá 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp có nhu cầu cấp giấy chứng nhận mới thì	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 130.000 - Tổ chức: 15.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000	Một phần	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
50		<p>được cộng thêm 05 ngày của thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận (<i>áp dụng khoản 5, điều 61, Nghị định 43/2014/NĐ-CP</i>)</p> <p>Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. (<i>Chưa kể 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân</i>)</p>					<p>ngày 28/4/2023</p> <p>- Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.</p>
75.	<p>Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm</p> <p>1.001991.000.00.00.H 50</p>	<p>Không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p> <p>(Chưa kể 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</p>	<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức.</p> <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia</p>	Trực tiếp/ BCCI	<p>* Phí:</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân: 140.000</p> <p>- Tổ chức: 250.000</p> <p>* Lệ phí:</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân: 50.000</p> <p>- Tổ chức: 200.000</p>	Thông thường	<p>-Luật Đất đai năm 2013</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
			đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.				03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
76.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử	- 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp có nhu cầu cấp giấy chứng nhận mới thì được cộng thêm 05 ngày của thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận (<i>áp dụng khoản 5, điều 61, Nghị định 43/2014/NĐ-CP</i>) - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 130.000 - Tổ chức: 150.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	dụng đất, tài sản gắn liền với đất của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp. 2.000880.000.00.00.H 50		sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.				ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
77.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất 1.001134.000.00.00.H 50	- 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. <i>(Chưa kể 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i>	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 130.000 - Tổ chức: 150.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000 .	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
			ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.				ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
78.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất 1.005194.000.00.00.H 50	- Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 140.000 + Đất và tài sản: 170.000 - Tổ chức: + Đất: 290.000 + Đất và tài sản: 370.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 30.000 - Tổ chức: 50.000	Một phần	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
79.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền 1.001045.000.00.00.H 50	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp có nhu cầu cấp giấy chứng nhận mới thì được cộng thêm 05 ngày của thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận (áp dụng khoản 5, điều 61, Nghị định 43/2014/NĐ-CP) - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 130.000 - Tổ chức: 150.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
80.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất 1.001009.000.00.00.H 50	<ul style="list-style-type: none"> - Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp có nhu cầu cấp giấy chứng nhận mới thì được cộng thêm 05 ngày của thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận (<i>áp dụng khoản 5, điều 61, Nghị định 43/2014/NĐ-CP</i>) - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu. 	Trực tiếp/ BCCI	<ul style="list-style-type: none"> * Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 130.000 - Tổ chức: 150.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000 	Thông thường	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
81.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế 1.001990.000.00.00.H 50	- 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 130.000 - Tổ chức: 150.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000	Một phần	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
82.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi,	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Trực tiếp/BCC I	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân:	Thông thường	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu 1.004206.000.00.00.H 50	vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.		130.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000		43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
83.	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo 1.004217.000.00.00.H 50	- 07 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	* Phí: - Tổ chức: 150.000 * Lệ phí: - Tổ chức:	Một phần	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
					30.000		01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
84.	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai (cấp tỉnh) 1.004269.000.00.00.H 50	1 Ngày làm việc	Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của văn phòng ĐK đất đai hoặc Chi nhánh văn phòng ĐK đất đai	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
85.	Chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 1.010200.000.00.00.H 50	Không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	-Luật Đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Quyết định số 1686/QĐ-BTMT ngày 31/12/2021
86.	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận	- 20 ngày làm việc (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế -	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy.	Một phần	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	<p>đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng)</p> <p>1.002253.000.00.00.H 50</p>	<p>xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p>					<p>ngày 06/01/2017</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017
87.	<p>Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử</p>	<p>- 20 ngày làm việc (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính</p>	<p>Trực tiếp/ BCCI</p>	<p>- Lệ phí: 100.000 đồng/giấy.</p>	<p>Một phần</p>	<p>- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	<p>dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (Đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực dự án vì mục đích quốc phòng an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thì nộp hồ sơ xin giao đất, thuê đất trong thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt mà không</p>	<p>nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất).</p> <p>- Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.</p>	<p>công tỉnh</p>				<p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017</p> <p>- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.</p> <p>- Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023</p> <p>- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014</p> <p>- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	phải chờ đến khi hoàn thành việc giải phóng mặt bằng) 1.002040.000.00.00.H 50						
88.	Chuyên mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền 1.004257.000.00.00.H 50	- 15 ngày làm việc (không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh đối với tổ chức. - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện đối với hộ gia đình, cá nhân hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/ BCCI	- Lệ phí: 30.000 đồng/giấy.	Một phần	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
89.	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao 1.003010.000.00.00.H 50	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	-Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 - Thông tư số 33/2017/TTBTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017
90.	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã	- 15 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Thông thường	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	ban hành trước 01/7/2004 1.004688.000.00.00.H 50						<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017
91.	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi	<ul style="list-style-type: none"> - 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm 	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Thông thường	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 1.000964.000.00.00.H 50	việc.					01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 - Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017
92.	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng 1.001007.000.00.00.H 50	Quy định thời hạn giải quyết đối với một số trình tự như sau: a) Thời gian từ khi ban hành Thông báo thu hồi đất đến khi ban hành Quyết định thu hồi đất: chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp. Trường	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		<p>hợp người sử dụng đất trong khu vực thu hồi đất đồng ý đề cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất mà không phải chờ đến hết thời hạn thông báo thu hồi đất. b) Thời gian ban hành Quyết định kiểm đếm bắt buộc: 10 ngày kể từ ngày người sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã vận động, thuyết phục thực hiện Thông báo thu hồi đất. c) Thời gian thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Trường hợp mà thực hiện vượt quá 30 ngày: Nếu nhà nước chậm chi trả thì người có đất thu hồi được nhà nước thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền</p>					<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 - Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/06/2014 - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		chậm trả và thời gian chậm trả; nếu người có đất thu hồi không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì tiền bồi thường, hỗ trợ được gửi vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc nhà nước. d) Thời gian bàn giao đất đối với trường hợp người bị cưỡng chế thu hồi đất chấp hành quyết định cưỡng chế: chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận sự chấp hành của người có đất bị thu hồi.					
93.	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. 	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp	Không	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	1.001039.000.00.00.H 50						Chính phủ - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 của CP - Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017
94.	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp 2.000962.000.00.00.H 50	Không quá 20 ngày làm việc. Cụ thể: - Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi hồ sơ phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp đến các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện để lấy ý kiến; - Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Tài nguyên và Môi trường; - Trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian lấy ý	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023 - Thông tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		kiến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức họp để thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp; gửi thông báo kết quả thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp đến công ty nông, lâm nghiệp để hoàn chỉnh hồ sơ.					07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017
95.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh 1.004267.000.00.00.H 50	- 60 ngày làm việc. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/ BCCI	Không	Một phần	- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai. - Nghị định số 10/2023/NĐCP ngày 03/4/2023

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							- Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017
96.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện "đồn điền đổi thửa " (đồng loạt) 1.003572.000.00.00.H 50	- 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. <i>(Trường hợp cấp đổi đồng loạt cho nhiều người sử dụng đất do đo vẽ lại bản đồ là không quá 50 ngày làm việc).</i> - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/BC CI	- Lệ phí: + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 28.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 14.000 đồng/giấy	Thông thường	- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐCP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐCP ngày 06/1/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 - Thông tư số 24/2014/1'1-BTNMT ngày 19/5/2014 - Thông tư số 33/2017/TTBTNMT ngày 29/9/2017 - Thông tư số 09/2021/TTI3TNMT ngày 30/6/2021 - Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023; - Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
VIII LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH ĐẤT ĐAI							
97.	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 1.011441. H50	<p>- Trong ngày làm việc; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo.</p> <p>Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đối với tổ chức</p> <p>- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân</p>	<p>- Nộp trực tiếp;</p> <p>- Qua dịch vụ Bưu chính công ích</p>	<p>* Phí:</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 90.000 + Tài sản: 140.000 + Đất và tài sản: 170.000</p> <p>- Tổ chức: + Đất: 110.000 + Tài sản: 150.000</p> <p>+ Đất và tài sản: 180.000</p> <p>* Lệ phí:</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000</p>	Thông thường	<p>-Luật đất đai năm 2013.</p> <p>- Luật nhà ở năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>-Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022.</p> <p>-Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Thông tư</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
98.	Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 1.011442.H50	- Trong ngày làm việc; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân	- Nộp trực tiếp; - Qua dịch vụ Bưu chính công ích	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 90.000 + Tài sản: 140.000 + Đất và tài sản: 170.000 - Tổ chức: + Đất: 110.000 + Tài sản: 150.000 + Đất và tài sản: 180.000 * Lệ phí:	Thông thường	-Luật đất đai năm 2013. - Luật nhà ở năm 2014. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. -Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022. -Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		trần thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.			- Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000		Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
99.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 1.011443.H50	- Trong ngày làm việc; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đăng ký	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận	- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua dịch vụ Bưu	* Phí: - Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 90.000 + Tài sản: 140.000 + Đất và tài sản: 170.000 - Tổ chức: + Đất:	Thông thường	-Luật đất đai năm 2013. - Luật nhà ở năm 2014. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2017/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.	và trả kết quả của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân	chính công ích	110.000 + Tài sản: 150.000 + Đất và tài sản: 180.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000		CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. -Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022. -Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
100.	Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm,	- Trong ngày làm việc; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì	- Bộ phận tiếp nhận và	- Qua hệ thống	* Phí: - Hộ gia đình,	Thông thường	-Luật đất đai năm 2013.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	<p>đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất 1.011444.H50</p>	<p>hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc. - Trường hợp hồ sơ đăng ký đổi với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p>	<p>trả kết quả của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đối với tổ chức - Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân</p>	<p>đăng ký trực tuyến; - Nộp trực tiếp; - Qua dịch vụ Buu chính công ích</p>	<p>cá nhân: + Đất: 90.000 + Tài sản: 140.000 + Đất và tài sản: 170.000 - Tổ chức: + Đất: 110.000 + Tài sản: 150.000 + Đất và tài sản: 180.000 * Lệ phí: - Hộ gia đình, cá nhân: 20.000 - Tổ chức: 30.000</p>		<p>- Luật nhà ở năm 2014. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022. - Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định 2546/QĐ-BTP ngày</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							26/12/2022 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
101.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất 1.011445.H50	<p>- Trong ngày làm việc; nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đăng ký đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được nộp thông qua Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thì thời hạn giải quyết hồ sơ được tính từ thời điểm Văn phòng đăng ký đất đai nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đối với tổ chức</p> <p>- Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân</p>	<p>- Qua hệ thống đăng ký trực tuyến;</p> <p>- Nộp trực tiếp;</p> <p>- Qua dịch vụ Bưu chính công ích</p>	<p>* Phí:</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân: + Đất: 90.000 + Tài sản: 140.000 + Đất và tài sản: 170.000</p> <p>- Tổ chức: + Đất: 110.000 + Tài sản: 150.000</p> <p>+ Đất và tài sản: 180.000</p> <p>* Lệ phí:</p> <p>- Hộ gia đình, cá nhân: 20.000</p> <p>- Tổ chức: 30.000</p>	Thông thường	<p>-Luật đất đai năm 2013.</p> <p>- Luật nhà ở năm 2014.</p> <p>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>-Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022.</p> <p>-Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>- Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
							Môi trường. - Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Quyết định 2546/QĐ-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
IX	KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG						
102.	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường 1.004237	05 Ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	- Trực tiếp/ Trực tuyến/ BCCI	Tuỳ theo mức độ khai thác đề thu theo các Thông tư quy định: Thông tư số 196/2016/TT-BTC; Thông tư số 197/2016/TT-BTC; Thông tư số 17/VBHN-BTC; Quyết	Một phần	- Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 16 /4/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 /5/2023 của Chính phủ; - Thông tư số 196/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính; - Thông tư số 197/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính; - Thông tư số

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
					định số 3531/QĐ-UBND ngày 19/12/2019; Thông tư số 44/2023/TT-BTC; Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh;		44/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính; - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh; - Quyết định 1236/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023

Tổng cộng: 102 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Phụ lục 2**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP HUYỆN***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI						
1	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện 2.000395.000.00.00. H50	- 45 ngày làm việc, trong đó: + Cơ quan thẩm tra, xác minh tham mưu giải quyết: 40 ngày; + UBND cấp huyện: 05 ngày. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trực tiếp/BCCI	Không	Một phần	- Luật đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017
2	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	Trực tiếp/BCCI	Không	Một phần	- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	2.001234.000.00.00. H50		và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu				ngày 06/01/2017; - Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020; - Thông tư số 30/2014/TT- BTNMT ngày 02/6/2014; - Thông tư số 33/2017/TT- BTNMT ngày 29/9/2017
3	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. 2.000381.000.00.00. H50	-Giao đất, cho thuê đất: Không quá 20 ngày (không kể thời gian giải phóng mặt bằng; không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện tại Phòng Tài nguyên và Môi trường được tăng thêm 10 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trực tiếp/BCCI	Phí: + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 200.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 100.000 đồng/giấy. - Lệ phí: + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 25.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 12.000 đồng/giấy.	Một phần	- Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Thông tư số 30/2014/TT- BTNMT ngày 02/6/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
4	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân 1.000798.000.00.00. H50	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất). - Trường hợp người sử dụng đất có yêu cầu cấp đổi giấy chứng nhận thì thời gian thực hiện theo thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày. <p><i>(Chưa kê05 ngày lấy ý kiến cơ quan liên quan; 03 ngày xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan Thuế và thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người dân)</i></p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trực tiếp/BCCI	Phí: + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 200.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 100.000 đồng/giấy. - Lệ phí: + Thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị: 25.000 đồng/giấy + Khu vực khác: 12.000 đồng/giấy.	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật đất đai năm 2013; - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 - Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017
5	Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính	<ul style="list-style-type: none"> - 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy 	Trực tiếp/BCCI	Không	Một phần	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định 43/2014/NĐ-CP 15/05/2014 - Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam 1.005187.000.00.00. H50		ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.				
6	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam 1.005367.000.00.00. H50	- 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cấp huyện; - Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân xã nếu có nhu cầu.	Trực tiếp/BCCI	Không	Một phần	- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định 43/2014/NĐ-CP 15/05/2014 - Thông tư 30/2014/TT- BTNMT ngày 02/06/2014
II	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG						
7	Cấp giấy phép môi trường 1.010723.000.00.00.H 50	- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp: + Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyến/BCCI	Mục B.X Phụ lục I Nghị quyết số 13/2022/NQ-	Một phần	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		<p>hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; + Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp còn lại chưa hoạt động.</p>			HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh		<p>BTNMT. - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ; - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.</p>
8	Cấp đổi giấy phép môi trường 1.010724.000.00.00. H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyến/BCCI	Không	Một phần	<p>- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT.</p>
9	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không bao	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và	Trực tiếp/Trực	Mục B.X Phụ	Một phần	<p>- Luật BVMT 2020; - Nghị định số</p>

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	1.010725.000.00.00. H50	gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu tổ hợp trong trường hợp cần thiết)	trả kết quả của UBND cấp huyện	tuyển/BCCI	lục I Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh		08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT. - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.
10	Cấp lại giấy phép môi trường 1.010726.000.00.00. H50	- 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp: + Giấy phép hết hạn gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng; + Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi thực hiện thu hút đầu tư các ngành, nghề đó (<i>trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo</i>	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyển/BCCI	Mục B.X Phụ lục I Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh	Một phần	- Luật BVMT 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT. - Nghị quyết 13/2022/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 của HĐND tỉnh.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		<p><i>đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung);</i></p> <p>- 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp:</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (<i>trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường</i>).</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng số lượng nguồn phát sinh nước thải, bụi, khí thải làm phát sinh các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; phát sinh thêm thông số ô nhiễm mới vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải; tăng lưu lượng nước thải, bụi, khí thải làm gia tăng hàm lượng các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn kỹ thuật môi</p>					

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		<p>trường về chất thải; tăng mức độ ô nhiễm tiếng ồn, độ rung; thay đổi nguồn tiếp nhận nước thải và phương thức xả thải vào nguồn nước có yêu cầu bảo vệ nghiêm ngặt hơn.</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;</p> <p>+ Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.</p>					
III	LĨNH VỰC BIỂN, HẢI ĐẢO						

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
11	Công nhận khu vực biển 1.009482.000.00.00. H50	48 ngày làm việc (<i>bao gồm 15 ngày lấy ý kiến và 10 ngày kiểm tra thực địa</i>)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyến/BCCI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; - Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021
12	Giao khu vực biển 1.009483.000.00.00. H50	53 ngày làm việc (<i>bao gồm 10 ngày kiểm tra thực địa</i>)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyến/BCCI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; - Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021
13	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển 1.009484.000.00.00. H50	68 ngày làm việc (<i>chưa tính 15 ngày lấy ý kiến và 10 ngày kiểm tra thực địa</i>)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyến/BCCI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; - Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021
14	Trả lại khu vực biển 1.009485.000.00.00. H50	- Trả lại 1 phần khu vực biển: 58 ngày làm việc (<i>bao gồm 15 ngày lấy ý kiến và 10 ngày kiểm tra thực địa</i>);	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân	Trực tiếp/Trực tuyến/BCCI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
		- Trả lại toàn bộ khu vực biển: 53 ngày làm việc (bao gồm 15 ngày lấy ý kiến và 10 ngày kiểm tra thực địa)	dân cấp huyện				11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; - Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021
15	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển 1.009486.000.00.00. H50	68 ngày làm việc (bao gồm 15 ngày lấy ý kiến và 10 ngày kiểm tra thực địa)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyến/BCCI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015; - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021; - Quyết định số 424/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021
IV	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC						
16	Đăng ký khai thác nước dưới đất 1.001662.000.00.00.H 50	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp huyện	Trực tiếp/Trực tuyến/BCCI	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên nước; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2023 của Bộ TN&MT.
17	Lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp	- 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ	Bộ phận Tiếp nhận và trả	Trực tiếp/Trực	Không	Một phần	- Luật Tài nguyên nước;

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
	huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh 1.001645.000.00.00.H 50	sơ hợp lệ đối với các dự án không có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh - 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với các dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	kết quả thuộc UBND cấp huyện	tuyên/BCCI			- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; - Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023 của Bộ TN&MT.

Tổng cộng: 17 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Phụ lục 3
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
ÁP DỤNG TẠI UBND CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Mức độ dịch vụ công	Căn cứ pháp lý
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường 1.010736.000.00.0 0.H50	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.	Trực tiếp/Trực tuyến/ BCCI	Không	Một phần	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; - Quyết định số 87/QĐ-BTNMT
2	Hòa giải tranh chấp đất đai 1.003554.000.00.0 0.H50	- 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp xã.	Trực tiếp/ BCCI.	Không	Một phần	- Luật Đất đai năm 2013 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP - Nghị định số 01/2017/ND-CP ngày 06/01/2017 - Nghị định số 148/2020/NĐ- CP ngày 18/12/2020
3	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích 1.004082. H50	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc UBND cấp	Trực tiếp/ BCCI.	Không	Toàn trình	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP

			xã.				ngày 12/5/2023 của Chính phủ
--	--	--	-----	--	--	--	------------------------------

Tổng cộng: 03 TTHC

Tổng cộng cả 3 cấp (cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã): 122 thủ tục hành chính.